

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Minh Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **N T H** - sinh năm 1991; địa chỉ: thôn PT, xã CT, tp CL, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh **N T V** - sinh năm 1986; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn PT, xã CT, tp CL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Ăng-gô-la.

- *Người làm chứng:* Bà **N T B** - sinh năm 1947 (mẹ đẻ anh V).

Địa chỉ: thôn PT, xã CT, tp CL, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh V và bà B đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị H trình bày:**  
Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, tx CL (nay là tp CL), tỉnh Hải Dương vào ngày 04/7/2011 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh V tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận cho đến năm 2013 thì anh V đi lao động tại Ăng-gô-la, chị ở nhà nuôi con, thời gian đầu anh V thường xuyên gọi điện về thăm hỏi động viên hai mẹ con chị. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ tình cảm, không còn liên lạc với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Năm 2016 và năm 2019, sau khi hết hạn hợp đồng lao động anh V có về nước được một thời gian rồi lại đi sang Ăng-gô-la lao động, thời gian anh V về nước giữa chị và anh V cũng không gặp nhau, không liên lạc để khắc phục mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống chung. Nay chị xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không còn thương yêu, quan tâm đến

nhau, hiện nay anh V vẫn đang lao động tại Ăng-gô-la không biết đến khi nào về Việt Nam nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là N T A, sinh ngày 29/7/2012, hiện đang ở với bà nội. Nguyên vọng của chị xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh V tại Ăng-gô-la.

**- Bà N T B (là mẹ đẻ anh V) trình bày:** Anh V và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã CT, tx CL vào năm 2011. Sau kết hôn, chị H về sinh sống tại gia đình bà và anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, vui vẻ. Sau đó, năm 2013 anh V đi xuất khẩu lao động tại Ăng-gô-la, còn chị H ở nhà chăm sóc con cái. Đến năm 2015, vợ chồng anh V chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nghi ngờ tình cảm của nhau, cãi chửi nhau qua điện thoại nên không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Năm 2016 và năm 2019, anh V có về Việt Nam một thời gian ngắn, nhưng anh V và chị H không tìm gặp nhau để khắc phục mâu thuẫn, sau đó anh V tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Ăng-gô-la cho đến nay chưa về Việt Nam, tuy nhiên giữa bà và anh V thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Nay chị H làm đơn ly hôn với anh V là quyết định của anh chị ấy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Sau khi bà nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh V biết về việc chị H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh V không cho bà biết biết địa chỉ cụ thể ở Ăng-gô-la nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh V cho Tòa án được, anh V cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định vợ chồng ly thân đã lâu, mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không muốn chung sống với chị H nữa nên nhất trí ly hôn, đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Hiện nay anh V chưa thể về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại công văn số 11348/QLXNC-P5 ngày 14/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh N T V, sinh ngày 15/11/1986, chứng minh nhân dân số 142202463, khai địa chỉ tại CT, CL, Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 02/3/2019 bằng hộ chiếu số B7368726 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ

hôn nhân: Xử cho chị N T H được ly hôn anh N T V; Về con chung: Xử giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung N T A, sinh ngày 29/07/2012 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị N T H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Anh N T V là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Ăng-gô-la nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh V vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị H cũng như bà N T B (mẹ đẻ anh V) cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, tx CL (nay là tp CL), tỉnh Hải Dương vào ngày 04/7/2011. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận cho đến năm 2013 thì mỗi người sống một nơi do anh V đi lao động tại Ăng-gô-la, thời gian đầu anh chị thường xuyên liên lạc, quan tâm nhau. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh V không chung thủy, dẫn đến cãi chửi nhau qua điện thoại, không còn liên lạc với nhau, chị H đã bỏ về nhà đẻ ở. Từ đó đến nay, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không tìm biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống chung. Nay chị H xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V; thông qua gia đình anh V cũng xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là N T A, sinh ngày 29/7/2012, hiện đang ở với bà nội. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành. Xét thấy anh V hiện đang ở nước ngoài và cũng có quan điểm nhất trí để chị H được nuôi con chung, cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy cần giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu A và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các

Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N T H được ly hôn anh N T V.

2. Về con chung: Giao chị N T H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là N T A, sinh ngày 29/7/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N T H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0005956 ngày 19/4/2021. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh V đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND CT, TP. CL, Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Minh Quang**